TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2023/DS-PT
Ngày: 25 - 5 - 2023
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất,
Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/5/2023 và 25/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2022/TLPT-DS ngày 29/12/2022 về Tranh chấp chia thừa kế, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Văn D, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ 19, ấp **H** Dân, xã Nhị Mỹ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn T (Nghĩa), sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số nhà 415, ấp **H** Dân, xã Nhị Mỹ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1936;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn **T1** là*: Anh Nguyễn Văn **T**, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: Số 415, ấp **H** Dân, xã Nhị Mỹ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/02/2021).

2. Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số nhà 583, đường Điện Biên Phủ, Ấp 1, xã Mỹ Trà, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Văn **H**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số nhà 414, Tổ 19, ấp **H** Dân, xã Nhị Mỹ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Thị Ngọc **B**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số nhà 494, Tổ 21, ấp **H** Dân, xã Nhị Mỹ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Văn **T** (Cường), sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số nhà 459, Tổ 20, ấp **H** Dân, xã Nhị Mỹ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Thị Ngọc **H1**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số nhà 154, Tổ 22, khóm Mỹ Thuận, thị trấn Mỹ Thọ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Hưng, Chức vụ: Phó trưởng Phòng Thẩm tra và xác minh đơn – VPĐKĐĐ trực thuộc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 32, Quốc lộ 30, ấp An Định, xã An Bình, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ủy ban nhân dân huyện C;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế Hồng Trung, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện C (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

9. Lê Thị Huệ, sinh năm 1972;

10. Nguyễn Văn Lê Bửu, sinh năm 1997;

11. Nguyễn Lê Minh Cảnh, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Ấp **H** Dân, xã Nhị Mỹ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

12. Nguyễn Thị Thúy, sinh năm 1979;

13. Nguyễn Thị Diễm, sinh năm 1999;

14. Nguyễn Văn Hơn, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Ấp **H** Dân, xã Nhị Mỹ, huyện C, Đồng Tháp.

15. Nguyễn Văn Công, sinh năm 1978;

16. Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Tổ 22, khóm Mỹ Thuận, thị trấn Mỹ Thọ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

17. Nguyễn Văn Tùng, sinh năm 1970 (Chết 2021);

Địa chỉ: Ấp **H** Dân, xã Nhị Mỹ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Tùng gồm:

17.1. Nguyễn Văn **T1**, sinh năm 1936;

17.2. Võ Thị **K**, sinh năm 1972;

17.3. Nguyễn Thị Kim **Q**, sinh năm 1997;

17.4. Nguyễn Thị Kim **X**, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Ấp **H** Dân, xã Nhị Mỹ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

17.5. Nguyễn Thị Kim **Y**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số nhà 121, khóm Mỹ Phú Cù Lao, thị trấn Mỹ Thọ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

17.6. Nguyễn Thị Kim Lu**Y**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: TDP6, thị trấn Pleikan, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- *Người kháng cáo*: Anh Nguyễn Văn **T** là nguyên đơn và ông Nguyễn Văn **T1** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI D VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Anh Nguyễn Văn **D** trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà ngoại anh là cụ Võ Văn Tiểu và cụ Nguyễn Thị Đạm để lại cho cha mẹ anh thừa hưởng là bà Võ Thị Thuận, ông Nguyễn Văn **T1**, diện tích thời điểm cho khoảng 37 công tầm cắt. Nhưng trong quá trình sử dụng đất cha, mẹ anh cho các con trong gia đình và chuyển nhượng một số, hiện nay còn lại 8.245,6m^2 gồm các thửa 1349, 1350, 2485, 2486, 2487, 2483 đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C. Năm 2013, lúc mẹ anh còn sống thì cha, mẹ đã cho anh sử dụng 01 nền nhà (anh đã cất nhà ở hiện nay) diện tích 246,2m^2 thuộc thửa 2486 và một phần thửa 2483 cùng toàn bộ thửa 1350 có diện tích thực tế 1.488m^2 nhưng chưa sang tên. Năm 2014 mẹ chết, anh **T** cùng ông **T1** làm thủ tục chuyển toàn bộ đất các thửa mà ông **T1** đứng tên cho anh **T**, trong đó có thửa 2483, 2486, 1350 mà anh quản lý sử dụng như trình bày ở trên. Khi làm thủ tục sang tên từ ông **T1** qua cho anh **T** thì anh cũng như các anh em còn lại không ký tên vào hồ sơ chuyển quyền và cũng không hay biết việc chuyển quyền này. Dù đất anh được cho nhưng anh xác định đất vẫn là của cha, mẹ. Năm 2014 mẹ anh là bà Thuận chết không để lại di chúc thì toàn bộ đất trên có ½ tương ứng diện tích 4.122,8m^2 (8.245,6m^2/2) là di sản của bà Thuận. Chính vì vậy, anh yêu cầu được hưởng thừa kế 1/9 diện tích tương ứng 458m^2. Đối với các tài sản còn lại như nhà, cây trồng anh không yêu cầu chia thừa kế. Các thửa đất mà anh **T** đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Lệ **D** (thửa 2482, 2226, 2484) anh thống nhất để anh **T** chuyển nhượng không yêu cầu hủy giao dịch, nhưng giao dịch chuyển nhượng giữa anh **T** với chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** thửa 2485, anh không thống nhất vì thửa đất này có phần di sản của bà Thuận. Về hàng thừa kế thứ nhất của bà Thuận gồm: anh Nguyễn Văn **D**, anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn Tùng (anh Tùng đã chết trong quá trình giải quyết vụ án người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tùng gồm: ông Nguyễn Văn **T1**, chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y**), anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D** và ông Nguyễn Văn **T1**. Ngoài những người này không còn ai là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Thuận. Trong quá trình quản lý sử dụng đất anh không đầu tư, cải tạo gì làm

tăng giá trị đất nên không yêu cầu xem xét công lao giữ gìn, quản lý di sản. Anh **D** yêu cầu giải quyết như sau:

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 2485 tờ bản đồ số 9 cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**.

+ Yêu cầu được hưởng di sản thừa kế của bà Võ Thị Thuận 458m^2 trong đó 246,2m^2 tại thửa 2486 và một phần thửa 2483 và 211,8m^2 thuộc thửa 1349, 1350 chung với những người thừa kế khác, không yêu cầu Tòa án xác định vị trí 211,8m^2 nằm ở đâu trên 02 thửa 1349, 1350. Đề nghị Tòa xem xét cho lối đi qua thửa 2487 đồng ý trả giá trị lối đi theo giá 102.000đồng/m^2 cho anh **T**.

- Anh Nguyễn Văn **T** trình bày:

Anh xác định đất có nguồn gốc là của cha anh là ông Nguyễn Văn **T1** tự khai hoang chứ không phải được thừa hưởng từ ông bà ngoại như anh **D** trình bày. Về vấn đề yêu cầu chia thừa kế của anh **D**, anh yêu cầu anh **D** phải chứng minh tài sản đất là di sản của mẹ để lại thì anh đồng ý chia, còn anh **D** không chứng minh được thì anh không đồng ý chia. Còn về việc chuyển nhượng đất cho chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** thì có việc chuyển nhượng cho chị **H1** thửa 2485 diện tích 3.626m^2 tờ bản đồ số 09 đất tại xã Nhị Mỹ đo thực tế 3.433,7m^2 với giá 351.722.000 đồng. Anh đã giao thửa đất 2485 cho chị **H1** vào ngày 20/3/2019, chị **H1** đã canh tác từ đó đến nay nhưng chị **H1** chưa thực hiện việc thanh toán tiền nên hai bên thỏa thuận cho thuê. Hiện nay anh cho chị **H1** thuê số đất chuyển nhượng thửa 2485 và thửa 2487 thời hạn đến tháng 7/2021 (al) hết hạn nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thuê đất. Khi giải quyết xong vụ thừa kế anh sẽ thỏa thuận với chị Ngọc **H1** về tiền thuê, không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Khi lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho chị **H1** đứng tên hai bên lập hợp đồng tặng cho ngày 20/3/2019, nhưng thực chất là chuyển nhượng. Như vậy có tính chất giả tạo che giấu hợp đồng chuyển nhượng. Vì vậy, anh yêu cầu cầu như sau:

+ Tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/3/2019 vì đây là hợp đồng giả tạo. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** thửa 2485. Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** trả thửa 2485 cho anh diện tích 3.433,7m^2.

+ Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** khắc phục lại bờ đê ngang 01m, dài 31,46m, cao 0,5m.

Hiện trạng đất tranh chấp không phát sinh gì thêm so với thời điểm thẩm định, kết quả định giá anh không có ý kiến. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 1349, 1350, 2487, 2486, 2483 anh không thế chấp, cầm cố hay chuyển nhượng cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Các thửa đất mà anh chuyển nhượng cho chị Lệ **D**, anh không yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu, dù thủ tục chuyển quyền cũng thông qua hợp đồng tặng cho. Trường hợp phải chia thừa kế anh **T** không yêu cầu xem xét công giữ gìn, quản lý di sản vì đất từ ngày bà Thuận qua đời đến nay không ai có đầu tư, cải tạo gì làm tăng giá trị trên các thửa đất mà anh chị em yêu cầu chia thừa kế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn **T1** trình bày:

Trước đây ông có thống nhất cho đất các con với nội **D** nam 03 công, nữ 02 công và đã cho xong, có người nhận đất sử dụng và có người nhận đất bán lại cho các anh em còn lại, còn anh **T** thì chưa được cho. Anh Nguyễn Văn Tùng đã chết, ông với tư cách là người thừa kế của anh Tùng có ý kiến thống nhất nhận phần thừa kế của anh Tùng 458m^2 (Nếu được chia) chung với những người thừa kế còn lại là vợ, con anh Tùng tại thửa 1349, 1350, không yêu cầu xác định vị trí phần 458m^2 của anh Tùng trên thửa 1349, 1350.

+ Chị Nguyễn Thị Lệ **D**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B** cùng trình bày:

Thống nhất về nguồn gốc đất của cha mẹ là ông Nguyễn Văn **T1** và bà Võ Thị Thuận được thừa hưởng của ông, bà ngoại. Năm 2014 bà Thuận chết không để lại di chúc để định đoạt phần tài sản của bà trong khối tài sản chung với ông **T1**. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Thuận gồm: anh Nguyễn Văn **D**, anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn Tùng (anh Tùng đã chết trong quá trình giải quyết vụ án người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tùng gồm: Ông Nguyễn Văn **T1**, chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y**), anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D** và ông Nguyễn Văn **T1**, ngoài những người này không còn ai là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Thuận. Về kết quả định giá các

anh, chị thống nhất không khiếu nại hay yêu cầu định giá lại, hiện trạng đất không phát sinh thêm gì so với thời điểm thẩm định. Phần đất mà anh **T** đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Lệ **D** thửa 2484, 2482, 2226 các anh, chị đồng ý để cho anh **T** hưởng, không yêu cầu hủy dù diện tích chuyển nhượng có phần di sản của bà Thuận. Anh **H** trình bày thêm, hiện nay anh và vợ anh là chị Thúy đang quản lý thửa 1349. Tuy đang quản lý nhưng anh cũng xác định đất vẫn còn của cha, mẹ. Khi chia thừa kế, các anh chị không yêu cầu xem xét công lao giữ gìn quản lý di sản. Nay các anh, chị Nguyễn Thị Lệ **D**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, cùng yêu cầu:

* Được chia hưởng di sản của bà Thuận mỗi người 458m^2 tại thửa 1349, 1350 cùng hưởng chung không yêu cầu Tòa án xác định vị trí 458m^2 ở đâu trên thửa 1349, 1350. Lý do yêu cầu hưởng chung để sau này sẽ nhượng lại cho anh **D** và anh **H**.

* Đề nghị Tòa xem xét cho lối đi qua thửa 2487 đồng ý trả giá trị lối đi theo giá 102.000đồng/m^2 cho anh **T**.

Ngoài các yêu cầu trên các anh, chị không có yêu cầu nào khác, các tài sản không phải là quyền sử dụng đất anh, chị không yêu cầu chia thừa kế.

+ Anh Nguyễn Văn **T** trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của anh **D**, chị **H1**, chị **D**, chị **B**, anh **H** về nguồn gốc đất và hàng thừa kế của bà Thuận, anh Tùng. Anh là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Thuận yêu cầu được chia thừa kế 458m^2 chung với các đồng thừa kế khác tại thửa 1349, 1350 đồng thời không yêu cầu Tòa án xác định vị trí 458m^2 nằm ở vị trí nào trên thửa 1349, 1350 để sau này anh cũng sẽ nhượng lại cho anh **H**, anh **D**. Đề nghị Tòa xem xét cho lối đi qua thửa 2487 đồng ý trả giá trị lối đi theo giá 102.000đồng/m^2 cho anh **T**. Về hiện trạng đất không có gì thay đổi so với thời điểm xem xét thẩm định, kết quả định giá anh **T** thống nhất không yêu cầu định giá lại. Bản thân anh không đầu tư hay cải tạo gì làm tăng giá trị đất nên khi chia thừa kế không yêu cầu xem xét công lao giữ gìn, quản lý di sản. Phần đất mà anh **T** đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Lệ **D** thửa 2484, 2482, 2226 anh đồng ý để cho anh **T** hưởng, không yêu cầu hủy dù diện tích chuyển nhượng có phần di sản của bà Thuận. Các tài sản khác không phải là quyền sử dụng đất anh không yêu cầu chia thừa kế.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** trình bày:

Có nhận chuyển nhượng đất với anh **T** như anh **T** trình bày và chị đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua hợp đồng tặng cho (lập hợp đồng tặng cho để tránh thuế) như anh **T** trình bày nhưng thực chất là hai bên nhận chuyển nhượng với nhau giá chuyển nhượng 351.722.000 đồng cho đến nay chị cũng chưa thanh toán tiền chuyển nhượng cho anh **T** dù đã hoàn tất việc sang tên qua cho chị. Do đất có tranh chấp nên chị không thanh toán tiền cho anh **T** mà hai bên thỏa thuận thuê đất thời gian thuê đất là không thời hạn cho 02 thửa 2485 và thửa 2487. Việc thuê đất chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, để sau khi giải quyết xong vụ tranh chấp chia thừa kế chị với anh **T** sẽ thỏa thuận sau, nếu không thống nhất được sẽ kiện bằng vụ kiện khác. Bản thân chị không đầu tư hay cải tạo gì làm tăng giá trị đất nên khi chia thừa kế không yêu cầu xem xét công lao giữ gìn, quản lý di sản. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 2485 chị không thế chấp, cầm cố hay chuyển nhượng cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.

Nay anh **T** yêu cầu tuyên vô hiệu giao dịch chuyển nhượng do giả tạo bằng hợp đồng tặng cho, chị không đồng ý mà đề nghị được trả tiền cho **T** để được sử dụng đất. Đối với yêu cầu khôi phục lại bờ đê chị có ý kiến trong quá trình nhận đất canh tác chị có phá bờ đê ngang 0,5m, cao 0,2m dài 31,46m cho thuận tiện canh tác. Nay anh **T** yêu cầu khôi phục chị không đồng ý, các nội **D** chị đưa ra trong quá trình giải quyết như bồi thường thiệt hại, công nhận hợp đồng chị không yêu cầu tùy Tòa xem xét. Trong trường hợp Tòa án hủy giao dịch chuyển nhượng giữa chị với anh **T** và xác định di sản của mẹ chị là 4.122,8m^2 chị yêu cầu được chia 458m^2 tại thửa 1349, 1350, không yêu cầu Tòa xác định vị trí 458m^2 ở đâu trên thửa 1349, 1350 để sau này thuận tiện việc nhượng lại cho anh **H**, anh **D**. Đề nghị Tòa xem xét cho lối đi qua thửa 2487, đồng ý trả giá trị lối đi theo giá 102.000đồng/m^2 cho anh **T**.

+ Chị Nguyễn Thị Kim **Y** trình bày:

Chị là con của anh Tùng, hiện cha đã chết hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông nội là ông **T1**, mẹ là bà **K**, anh chị em là **Y**, **Q**, Lu**Y**, **X** ngoài những người này không còn ai là người thừa kế của cha. Chị yêu cầu nhận 458m^2 phần của cha chị chung thửa 1349, 1350 và không yêu cầu xác định vị trí 458m^2 nằm ở vị trí nào trên thửa 1349, 1350. Đề nghị Tòa xem xét cho lối đi qua thửa 2487

đồng ý trả giá trị lối đi theo giá 102.000đồng/m^2 cho anh **T**. Bản thân cha chị không đầu tư hay cải tạo gì làm tăng giá trị đất nên khi chia thừa kế không yêu cầu xem xét công lao giữ gìn, quản lý di sản.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của anh Nguyễn Văn **D**, anh Nguyễn Văn **H**, anh Nguyễn Văn **T**, chị Nguyễn Thị Lệ **D**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, người thừa kế của anh Nguyễn Văn Tùng;

- Chấp nhận yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/3/2019 của anh Nguyễn Văn **T**, buộc chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** giao trả đất thửa 2485 tờ bản đồ số 9 đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C;

- Không chấp nhận yêu cầu khôi phục lại bờ đê ruộng giữa 02 thửa 2487 và thửa 2485 có kích thước ngang 01m, dài 31,46m, cao 0,5m của anh Nguyễn Văn **T** đối với chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**.

- Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 2485, tờ bản đồ số 9 đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C ngày 20/3/2019 giữa anh Nguyễn Văn **T** với chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**.

- Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, anh Nguyễn Văn Công, chị Nguyễn Thị Cúc trả cho anh Nguyễn Văn **T** 3.433,7m^2 thộc thửa 2485 tờ bản đồ số 9, loại đất lúa, đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C. Đất nằm trong phạm vi các mốc M6, M20, M14, M13, M12 về M6.

- Anh Nguyễn Văn **D** được thừa hưởng di sản thừa kế 458m^2 trong đó 246,8m^2 thuộc thửa 2486 loại đất ONT và một phần thửa 2483 đất CLN tờ bản đồ số 9 đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C. Đất nằm trong các mốc M3, M14, M15, M18, M17, M2, về M3.

- Anh Nguyễn Văn **D**, anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D**, người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tùng gồm: Ông Nguyễn Văn **T1**, chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y** được thừa hưởng chung 3.000,7m^2 thuộc thửa 1349, 1350 tờ bản đồ số 11 loại đất lúa, đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C, tỉnh

Đồng Tháp. Đất nằm trong phạm vi các mốc M8, M9, M10, M12, M13, M14, M6, M5, M7 về M8. Trong đó phần của anh Nguyễn Văn **D** 211,2m^2; Phần của những người thừa kế của anh Nguyễn Văn Tùng gồm: ông Nguyễn Văn **T1**, chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y** là 458m^2; Phần của anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D** mỗi người 458m^2.

- Anh Nguyễn Văn **D**, anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D**, người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tùng gồm: Ông Nguyễn Văn **T1**, chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y** được sử dụng lối đi ra lộ nông thôn có diện tích 88,6m^2 thuộc thửa 2487 tờ bản đồ số 9 đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C, loại đất ONT. Đất nằm trong phạm vi các mốc M4, M5, M6, M20, M19 về M4.

- Anh Nguyễn Văn **D**, anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D**, người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tùng gồm: ông Nguyễn Văn **T1**, chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y** có nghĩa vụ trả giá trị đất cho anh Nguyễn Văn **T** 29.769.500 đồng (hai mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi chín năm trăm đồng). Buộc anh Nguyễn Văn **T**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, anh Nguyễn Văn Công, chị Nguyễn Thị Cúc giao 88,6m^2 lối đi cho những người có tên trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/6/2022 và 28/6/2022 anh Nguyễn Văn **T** và ông Nguyễn Văn **T1** làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm;

1. Anh Nguyễn Văn **T** yêu cầu:

+ Công khai và đánh giá lại toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại cấp sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự giao nộp bổ sung (Nếu có).

+ Xem xét lại toàn bộ nội **D** của vụ án và tuyên sửa bản án theo hướng:

* Chấp nhận phần yêu cầu của anh về việc buộc bà Nguyễn Thị Ngọc **H1** phải khôi phục lại hiện trạng bờ đê ban đầu của hai thửa đất 2485, 2487. Cụ thể: Đắp lại bờ đê giữa hai thửa đất 2485, 2487 với tổng chiều dài 31,46m, chiều ngang 01m và chiều cao 0,2m.

* Chấp nhận yêu cầu của anh về việc yêu cầu chấm dứt giao dịch thuê đất giữa bà Nguyễn Thị Ngọc **H1** với anh tại thửa đất 2487.

* Bác toàn bộ yêu cầu chia thừa kế của: Nguyễn Văn **D**, Nguyễn Văn **H**, Nguyễn Văn Tùng, Nguyễn Văn **T**, Nguyễn Thị Lệ **D**, Nguyễn Thị Ngọc **B**, Nguyễn Thị Ngọc **H1**.

* Ông Nguyễn Văn **D** trả lại cho anh thửa đất lúa 1350, diện tích 1.438m^2, tờ bản đồ số 11; Thửa 2486, diện tích 190m^2, đất ở tại nông thôn; Phần đất có diện tích 190m^2 là một phần diện tích nằm trong thửa 2483, diện tích 1.380m^2.

* Ông Nguyễn Văn **H** trả lại cho anh thửa 1349, diện tích 1.480m^2, tờ bản đồ số 11.

2. Ông Nguyễn Văn **T1** yêu cầu:

+ Công khai và đánh giá lại toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại cấp sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự giao nộp bổ sung.

+ Xem xét lại các tài liệu, chứng cứ tại bản án sơ thẩm số: 38/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 vì HĐXX liệt kê chưa chính xác thống nhất với các tài liệu, chứng cứ mà các bên đương sự giao nộp và Tòa án thu thập.

+ Chấp nhận yêu cầu tính công sức và quản lý di sản thừa kế và các khoản chi phí hợp lý khác cho ông.

+ Chấp nhận yêu cầu nhận phần thừa kế của ông Tùng về vị trí tại thửa 1350.

+ Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn **T** và bà Nguyễn Thị Lệ **D** tại thửa 2482, 2484, đất lúa, tờ bản đồ số 09, đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Chia thừa kế theo pháp luật bao gồm: Một phần thừa kế của ông **T1** được nhận từ bà Thuận và phần chia tài sản chung của ông **T1** với bà Thuận (Là 50% tài sản chung với bà Thuận).

Ông xin tự nguyện tặng cho toàn bộ cho con trai là Nguyễn Văn **T**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội **D**: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh **T** và ông **T1**, sửa một phần Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn **T** cho thấy:

Đối với thửa đất số 2485 và 2487 liền kề nhau, trước đây anh cho chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** thuê. Tại Tòa án cấp sơ thẩm anh và chị **H1** không yêu cầu tòa án giải quyết hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa anh với chị **H1**. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không chia thừa kế đối với hai thửa đất này. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê đất giữa anh và chị **H1** cũng như không chấp nhận việc anh yêu cầu chị **H1** đắp lại bờ đê giữa hai thửa đất nêu trên là có căn cứ.

Ông **T1** và bà Thuận là vợ chồng có khối tài sản chung là 8.245,6m^2 đất thuộc 5 thửa gồm: Thửa 1349, 1350, 2483, 2486, 2487. Năm 2014 bà Thuận chết không để lại di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản của bà Thuận để lại là ½ diện tích 8.245,6m^2 đất nêu trên là 4.122,8m^2 để chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế của bà Thuận gồm ông **T1** (Chồng bà Thuận) và các con của bà Thuận, mỗi người 1/9 di sản là 458m^2 là có căn cứ. Riêng phần ông **T1** cho lại anh **T** phần của mình. Vì vậy, anh kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu của các đồng thừa kế của bà Thuận, cũng như yêu cầu anh **D** trả lại cho anh thửa 1350, diện tích 1.438m^2, thửa 2486, diện tích 190m^2,

một phần thửa 2483, diện tích 190m^2 là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn **T1** cho thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh **T** đại diện cho ông **T1** xin rút yêu cầu kháng cáo của ông **T1** đối với yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh **T** và bà **D**. Xét thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm các đương sự không có tranh chấp và cũng chưa được Tòa án thụ lý giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết.

Đối với diện tích đất mà các đương sự yêu cầu chia thừa kế là di sản của bà Thuận nằm trong khối tài sản chung với ông **T1** và vợ chồng cùng sử dụng chung. Sau đó, ông **T1** đã giao cho các con sử dụng nên ông yêu cầu tính công sức và quản lý di sản là không có căn cứ. Ngoài ra, ông yêu cầu nhận phần thừa kế của ông Tùng là không phù hợp. Bởi vì, ngoài ông ra còn có vợ và các con của ông Tùng là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tùng, những người này cũng được hưởng phần di sản của ông Tùng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chia cho những người đồng thừa kế của ông Tùng trong đó có ông **T1** 458m^2 đất là có căn cứ.

Xét việc ông yêu cầu chia thừa kế cho ông một phần di sản của bà Thuận và 50% trong khối tài sản chung của ông với bà Thuận. Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản của bà Thuận là 50% trong số 8.245,6m^2 đất của ông **T1** và bà Thuận là 4.122,8m^2 để chia thừa kế làm 9 phần cho các đồng thừa kế của bà Thuận mỗi phần là 458m^2. Do đó, 50% tài sản của ông và 1/9 di sản ông hưởng thừa kế của bà Thuận nằm chung với phần của anh **T** hiện do anh **T** đang sử dụng. Vì vậy, ông kháng cáo như trên là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho Anh Nguyễn Văn **D**, anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D**, người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tùng gồm: Ông Nguyễn Văn **T1**, chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y** được hưởng chung 3.000,7m^2 thuộc thửa 1349, 1350 tờ bản đồ số 11 tại xã Nhị Mỹ, huyện C. Nhưng lại xác định vị trí đất trong phạm vi các mốc M8, M9, M10, M12, M13, M14, M6, M5, M7 về M8 là bao gồm luôn thửa 2485,

diện tích 3.433,7m^2 do anh **T** đang sử dụng là không đúng với vị trí và diện tích của 3.000,7m^2 đất nêu trên. Do đó, phải xác định lại vị trí của 3.000,7m^2 thuộc thửa 1349, 1350 là trong phạm vi các mốc M8, M9, M10, M11, M12, M6, M5, M7, M8.

[4] Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm chia 3.000,7m^2 đất thuộc thửa 1349, 1350 cho các đồng thừa kế. Trong khi anh **D**, anh **T**, anh **H**, chị **B**, chị **H1**, chị **D** và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tùng chỉ được chia 07 phần, mỗi phần là 4.122,8m^2 : 9 = 458m^2, tổng cộng là 458m^2 x 7 = 3.206m^2. Trong đó, anh **D** được chia 246,2m^2 thuộc thửa 2486 và 211,8m^2 thuộc thửa 1349, 1350. Như vậy, 07 đồng thừa kế nêu trên được chia ở thửa 1349 và 1350 là 458m^2 x 6 + 211,8m^2 = 2.959,8m^2. Việc giao cho họ 3.000,7m^2 là nhiều hơn phần được hưởng là 3.000,7m^2 – 2.959,8m^2 = 40,9m^2. Để ổn định việc sử dụng 02 thửa đất nêu trên nên buộc các đồng thừa kế phải trả giá trị đất cho anh **T** và ông **T1** đối với 40,9m^2 theo giá của Hội đồng định giá là 40,9m^2 x 78.000đ/m^2 = 3.190.000đ. Do ông **T1** cho anh **T** toàn bộ phần đất của mình nên các đồng thừa kế phải trả cho anh **T** 3.190.000đ.

[5] Về lối đi, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh **T** mở lối đi cho các đồng thừa kế qua thửa 2487 có chiều ngang 5m là không phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm các đồng thừa kế cũng đồng ý mở lối đi phù hợp với thực tế có chiều ngang từ mốc M5 đến M6 là 3,53m ra lộ nông thôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại lối đi để không gây ảnh hưởng nhiều đến thửa đất 2487 của anh **T**. Vị trí của lối đi được xác định như sau: Từ mốc M4 đo về phía mốc M19 một đoạn 3,53m tạo mốc mới là M19a, lối đi qua thửa số 2487 trong phạm vi các mốc M4, M5, M6, M19a, M4 có diện tích 62,6m^2. Các đồng thừa kế phải trả giá trị đất cho anh **T** theo giá của Hội đồng định giá là 62,6m^2 x 336.000đ/m^2 = 21.033.600đ.

Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp như đã nhận định ở trên luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh **T** và ông **T1**, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên anh **T** và ông **T1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Miễn tiền toàn bộ tiền án phí dân sự cho ông **T1**, do ông là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 157, Điều 165, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Điều 8, Điều 9, Điều 33 Luật hôn nhân gia đình; Điều 117, Điều 124, Điều 131, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn **T** và ông Nguyễn Văn **T1**.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 13/6/2022 Tòa án nhân dân huyện C.

3. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của anh Nguyễn Văn **D**, anh Nguyễn Văn **H**, anh Nguyễn Văn **T**, chị Nguyễn Thị Lệ **D**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** và những người thừa kế của anh Nguyễn Văn Tùng.

4. Chấp nhận yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/3/2019 của anh Nguyễn Văn **T** và yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** giao trả đất thửa 2485 tờ bản đồ số 9 đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C.

5. Không chấp nhận yêu cầu khôi phục lại bờ đê ruộng giữa 02 thửa 2487 và thửa 2485 có kích thước ngang 01m, dài 31,46m, cao 0,5m của anh Nguyễn Văn **T** đối với chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**.

6. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 2485, tờ bản đồ số 9 đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C ngày 20/3/2019 giữa anh Nguyễn Văn **T** với chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** là giao dịch dân sự vô hiệu.

7. Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, anh Nguyễn Văn Công, chị Nguyễn Thị Cúc phải giao trả cho anh Nguyễn Văn **T** 3.433,7m^2 đất lúa thuộc thửa

2485, tờ bản đồ số 9, tại xã Nhị Mỹ, huyện C, trong phạm vi các mốc M6, M20, M14, M13, M12 về M6.

8. Anh Nguyễn Văn **D** được thừa hưởng di sản thừa kế 458m^2 trong đó 124,6m^2 đất ONT thuộc thửa 2486 và 122,2m^2 thuộc một phần thửa 2483 đất CLN, tờ bản đồ số 9 đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C. Đất trong các mốc M3, M14, M15, M18, M17, M2, về M3.

9. Anh Nguyễn Văn **D**, anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D**, những người thừa kế của anh Tùng gồm: Ông Nguyễn Văn **T1**, chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y** được thừa hưởng chung 3.000,7m^2 đất lúa thuộc thửa 1349, 1350 tờ bản đồ số 11, tại xã Nhị Mỹ, huyện C. Đất trong phạm vi các mốc M8, M9, M10, M11, M12, M6, M5, M7 về M8. Trong đó, phần của anh Nguyễn Văn **D** 211,2m^2; Phần của những người thừa kế của anh Nguyễn Văn Tùng gồm: Ông Nguyễn Văn **T1**, chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y** 458m^2; Phần của anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D** mỗi người 458m^2.

10. Anh Nguyễn Văn **D**, anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D**, những người thừa kế của anh Tùng gồm: Ông Nguyễn Văn **T1**, chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y** được quyền sử dụng lối đi ra lộ nông thôn qua thửa số 2487, tờ bản đồ số 9 có vị trí như sau: Từ mốc M4 đo về phía mốc M19 một đoạn 3,53m tạo mốc mới là M19a, lối đi trong phạm vi các mốc M4, M5, M6, M19a, M4 có diện tích 62,6m^2, đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C.

11. Buộc anh Nguyễn Văn **T**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, anh Nguyễn Văn Công, chị Nguyễn Thị Cúc phải mở lối đi ra lộ nông thôn qua thửa số 2487, tờ bản đồ số 9 có vị trí như sau: Từ mốc M4 đo về phía mốc M19 một đoạn 3,53m tạo mốc mới là M19a, lối đi trong phạm vi các mốc M4, M5, M6, M19a, M4 có diện tích 62,6m^2 thuộc thửa 2487 tờ bản đồ số 9, đất tại xã Nhị Mỹ, huyện C cho các đương sự nêu trên.

12. Anh Nguyễn Văn **D**, anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D**, những người thừa kế của anh Tùng gồm: Ông Nguyễn Văn **T1**, chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y** có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn **T** giá trị đất để mở lối đi là 21.033.600đ và giá trị phần chênh lệch diện tích quyền sử dụng đất là 3.190.000đ, tổng cộng là 24.223.600đ (Hai mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm đồng) .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đề nghị UBND huyện C và Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** để cấp lại cho anh Nguyễn Văn **T** tại thửa 2485; thu hồi thửa 1349, 1350, 2486, một phần thửa 2487, 2483 đã cấp cho anh Nguyễn Văn **T** để cấp lại cho các đương sự theo bản án.

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

*(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 24/02/2021 và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ông Nguyễn Văn **D**, ông Nguyễn Văn **T** được đo vẽ ngày 15/8/2022 của Chi nhánh văn Phòng đăng ký đất đai huyện C).*

13. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Tổng cộng là 24.990.000đ (Anh Nguyễn Văn **D** đã tạm ứng trước).

+ Anh Nguyễn Văn **D** phải chịu 3.124.000đ (Đã nộp xong).

+ Anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D**, anh Nguyễn Văn **T** mỗi người phải chịu 3.124.000đ và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tùng gồm: Ông Nguyễn Văn **T1**, chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y** liên đới chịu 3.124.000đ để trả lại cho anh Nguyễn Văn **D**, do anh **D** đã tạm ứng trước.

13. Về án phí:

+ Anh Nguyễn Văn **T** được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0009465 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

+ Anh Nguyễn Văn **D** phải chịu 4.962.000đ án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 1.850.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0012090 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Anh **D** còn phải nộp tiếp 3.112.000đ.

+ Anh Nguyễn Văn **H** phải chịu 1.786.200đ án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 974.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0012628 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Anh **H** còn phải nộp tiếp 812.200đ.

+ Anh Nguyễn Văn **T** phải chịu 1.786.200đ án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 974.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0007176 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Anh **T** còn phải nộp tiếp 812.200đ.

+ Anh Nguyễn Văn **T** phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khắc phục bờ đê không được chấp nhận và được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0007223 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

+ Chị Nguyễn Thị Lệ **D** phải chịu 1.786.200đ án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 974.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0012627 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị **D** còn phải nộp tiếp 812.200đ.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc **B** phải chịu 1.786.200đ án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 974.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0012629 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị **B** còn phải nộp tiếp 812.200đ.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc **H1** phải chịu 2.386.200đ án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 974.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0012630 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị **H1** còn phải nộp tiếp 1.412.200đ.

+ Người thừa kế của anh Nguyễn Văn Tùng gồm: Chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y** phải liên đới chịu 1.488.500đ và được trừ vào 974.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0012626 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Sau khi khấu trừ còn phải nộp tiếp 514.500đ.

+ Anh Nguyễn Văn **D**, anh Nguyễn Văn **T**, anh Nguyễn Văn **H**, chị Nguyễn Thị Ngọc **B**, chị Nguyễn Thị Ngọc **H1**, chị Nguyễn Thị Lệ **D** và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tùng gồm: Chị Võ Thị **K**, chị Nguyễn Thị Kim **Q**, chị Nguyễn Thị Kim **X**, chị Nguyễn Thị Kim **Y**, chị Nguyễn Thị Kim Lu**Y** liên đới chịu 1.211.000đ án phí dân sự sơ thẩm (Đối với tiền trả giá trị mở lối đi và tiền giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt